**Mã đề 6.1.5**

**BẢNG MÔ TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1**

**MÔN: TIẾNG ANH 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng****cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | ***Tổng Số CH*** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại trong 1.5 -2.0 phút (khoảng 80 – 100 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề đã học. Chọn tranh  | **Nhận biết:** Nghe lấy thông tin chi tiết về một trong các chủ đề đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:** Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Vận dụng:** - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 1.5 phút (khoảng 80 – 100 từ) liên quan đến các chủ đề đã học. (Điền từ ) | **Nhận biết:** - Nghe lấy thông tin chi tiết. |  | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:** - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:** - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II. | **LANGUAGE** | **Communication** | **Nhận biết:**Nhận biết các câu thông qua các cấu trúc giao tiếp theo chủ đề đã học. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:** Phân biệt được các cấu trúc giao tiếp theo chủ đề đã học. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**Hiểu và vận dụng vào bài nghe/nói. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vocabulary**Từ vựng đã học theo chủ đề:*My house;**My new school;**My friends;* | **Nhận biết:**Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề đã học: rooms,prepositions of place, school things….. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**- Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học. - Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Vận dụng:** - Hiểu và vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Grammar:** Các chủ điểm ngữ pháp đã học.*Present Simple;**Possessive Case;**Prep of place;**Present Continuous;**Adverb of Frequency* | **Nhận biết:**Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học: *There is / there are,suggestions…..* | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:** Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học. *There is / there are,suggestions*, *Present Simple Present Continuous* |  |  | 5 |  |  |  |  |  | 5 |  |
|  | **Vận dụng:**- Vận dụng những điểm ngữ pháp đã học. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| III. | **READING** | **1. Cloze test**Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 80-100 từ về các chủ điểm đã học: *My house;* | **Nhận biết:** Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **2. Reading comprehension**Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 100-120 từ, các chủ điểm có trong chương trình( thông tin chi tiết có trong bài) | **Nhận biết:**Thông tin chi tiết. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:** Hiểu ý chính của bài đọc about family |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:** - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.- Hiểu, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  | 3 |  |  |  | 3 |  |
| IV. | **WRITING** | **1. Error identification**Xác định lỗi sai | **Nhận biết:**- Nhận diện lỗi về ngữ pháp và từ loại trong câu. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Sentence transformation**Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước*Prep. of place;**Suggestion Expression;**There be-> have;**Possessive form;* | **Thông hiểu:** Sử dụng các từ đã để sắp xếp thành câu hoàn chỉnh. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.  | 2 |  | 1 |  |  | 2 |  |  |  | 5 |
| **3. Sentence Building**Sử dụng từ/ cụm từ gợi ý để viết câu*Present Simple;**Possessive Case;**Prep of place;**Present Continuous;**Adverb of Frequency* | **Vận dụng cao:**Sử dụng các từ, cụm từ đã cho để viết thành câu hoàn chỉnh. |  |  |  |  |  |  |  | 5 |  | 5 |
| **Tổng** |  |  | **13** | **4** | **11** | **6** | **4** | **2** |  | **5** | **45** | **10** |